TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2023/DS-ST

Ngày: 22/12/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Sen.

Ông Triệu Láth.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 339/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc*"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông H (chủ hộ kinh doanh M);

Địa chỉ: khóm N, phường H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà M (văn bản ủy quyền lập ngày 24/7/2023, có mặt);

Địa chỉ: khóm N, phường H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1. Ông L, (vắng mặt);

2.2. Bà N, (vắng mặt);

2.3. Ông C, (vắng mặt);

2.4. Bà T, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/7/2023 cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông H (chủ hộ kinh doanh M) ký kết Hợp đồng mua bán về việc mua bán thức ăn nuôi tôm do Công ty Việt Hoa sản xuất và thuốc thủy sản với gia đình của ông L, cụ thể như sau:

- Ngày 15/02/2023 ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông L (hợp đồng này ông L và bà N mua thuốc và thức ăn tôm nuôi riêng).

- Ngày 15/02/2023 ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản vợ chồng ông C và T (hợp đồng này vợ chồng ông C, bà T nuôi chung với vợ chồng ông L, bà N).

Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm vợ chồng ông L, bà N và các con ông C, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ như đã thỏa thuận. Vào ngày 29/6/2023 hai bên đối chiếu nợ: Vợ chồng ông L và bà N còn liên đới nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của ông H với số tiền là 114.676.000 đồng; vợ chồng ông C, bà T cùng với ông L và bà N còn liên đới nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của ông H với số tiền là 437.620.000 đồng.

Nay nguyên đơn ông H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc các bị đơn ông L và bà N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ là 114.676.000 đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

- Buộc các bị đơn ông C, bà T, ông L, bà N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ là 437.620.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Về lãi suất chậm trả ông H không có yêu cầu.

Đối với các bị đơn ông L, bà N, ông C, bà T:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đối với ông L, bà N, ông C, bà T, nhưng ông L và bà T đều vắng mặt và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho các bị đơn ông L và bà T biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông H – Chủ hộ kinh doanh M khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông L và bà N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản với số tiền là 114.676.000 đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) và buộc các bị đơn C, bà T, ông L và bà N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ với số tiền là 437.620.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng). Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H - Chủ hộ kinh doanh M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa: Các bị đơn ông L, bà N, ông C và bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[1] Ông H - Chủ hộ kinh doanh M ký kết 02 Hợp đồng mua bán về việc mua bán thức ăn nuôi tôm do Công ty Việt Hoa sản xuất và thuốc thủy sản với gia đình của ông L, ông C, cụ thể như sau:

[1.1] Ngày 15/02/2023, ông H với ông L ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để phục vụ cho việc nuôi tôm riêng của gia đình ông L và bà N. Sau kết thúc vụ nuôi, ông L và bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông H như đã thỏa thuận. Đến ngày 29/6/2023 hai bên đối chiếu nợ thì ông L và bà N còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của ông H với số tiền là 114.676.000 đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

[1.2] Ngày15/02/2023 ông H - Chủ hộ kinh doanh M với ông Trần Văn C, bà T ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để phục vụ cho việc nuôi tôm chung của vợ chồng ông Trần Văn C, bà T cùng với cha mẹ là ông L và bà N. Sau kết thúc vụ nuôi, ông C, bà T, ông L và bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông H như đã thỏa thuận. Đến ngày 29/6/2023, hai bên đối chiếu nợ thì ông C, T, ông L và bà N còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của ông H - Chủ hộ kinh doanh M với số tiền là 437.620.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

[1.3] Việc hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa ông H - Chủ hộ kinh doanh M với ông C, T, ông L và bà N gồm có: 02 Hợp đồng mua bán lập cùng ngày 15/02/2023; 02 bảng đối chiếu xác nhận nợ cùng ngày 29/6/2023; 02 sổ

giao nhận hàng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn ông H không cần phải chứng minh.

[2] Về lãi suất chậm trả: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào các Điều 430; 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H - Chủ hộ kinh doanh M.

- Buộc các bị đơn ông L và bà N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông H - Chủ hộ kinh doanh M với số tiền là 114.676.000 đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

- Buộc các bị đơn C, bà T, ông L và bà N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông H - Chủ hộ kinh doanh M với số tiền là 437.620.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H - Chủ hộ kinh doanh M được chấp nhận, nên các bị đơn ông L và bà N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4.2] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H - Chủ hộ kinh doanh M được chấp nhận, nên các bị đơn các bị đơn ông C, bà T, ông L và bà N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4.3] Đối với ông L và bà N là người cao tuổi, thuộc đối tượng miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuy nhiên, do trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông L và bà N không có đơn đề nghị xin miễn án phí, nên không được xem xét miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 144, 146, 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 288, 430; 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H - Chủ hộ kinh doanh M.

- Buộc các bị đơn ông L và bà N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả nợ cho ông H - Chủ hộ kinh doanh M với số tiền là 114.676.000 đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

- Buộc các bị đơn ông C, bà T, ông L và bà N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả nợ cho ông H - Chủ hộ kinh doanh M với số tiền là 437.620.000 đồng (bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông H - Chủ hộ kinh doanh M có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng các bị đơn ông C, bà T, ông L và bà N còn liên đới trả lãi cho ông H - Chủ hộ kinh doanh M theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn ông L và bà N phải liên đới chịu số tiền là 5.733.800 đồng (năm triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn tám trăm đồng).

- Các bị đơn ông C, bà T, ông L và bà N phải liên đới chịu số tiền là 21.504.800 đồng (hai mươi mốt triệu năm trăm lẻ bốn nghìn tám trăm đồng).

- Nguyên đơn ông H - Chủ hộ kinh doanh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông H - Chủ hộ kinh doanh M tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp với số tiền là 13.045.000 đồng (mười ba triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008634 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- VKSND TX Vĩnh Châu;
- THADS TX Vĩnh Châu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng KTNV&THA
TAND Tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Vũ Phương